

Bản án số: 40 /2025/HSST
Ngày: 25 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên toà:
Ông **Hồng Quốc Vệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Văn N; Giới tính: Nam; Sinh năm 2006; Nơi sinh: T - Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Họ tên cha: Võ Văn N1, sinh năm 1972 (sống); Họ tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1974 (chết); Anh ruột có 02 người, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: chưa; Sống chung như vợ chồng với Tăng Thị Cẩm L, có 01 con chung hơn 01 tuổi.

- Tiền sự: 05 lần:

+ Ngày 10/7/2023 bị Công an quận T xử phạt 3.250.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. Chưa nộp phạt.

+ Ngày 25/10/2023 bị Công an quận T xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi tàng trữ vũ khí nhằm cố ý gây thương tích. Chưa nộp phạt.

+ Ngày 24/01/2024 bị Công an quận T xử phạt 6.000.000 đồng về cố ý gây thương tích và hủy hoại tài sản. Chưa nộp phạt.

+ Ngày 01/3/2024 bị Công an quận T xử phạt 3.250.000 đồng về cố ý gây thương tích. Chưa nộp phạt.

+ Ngày 29/4/2024 bị Công an quận T xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi tàng trữ vũ khí nhằm cố ý gây thương tích. Chưa nộp phạt.

- Bị tạm giữ, tạm giam từ 04/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực T – Trại tạm giam số 1, Công an thành phố C. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn H1**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 01 năm 2009. Nơi sinh: Bệnh viện Đ2, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Họ tên cha: Nguyễn Hạ Huy V, sinh năm 1979 (sống); Họ tên mẹ: Lại Thị L1, sinh năm 1977 (sống); Chị có 01 người, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ, tạm giam từ 04/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực T – Trại tạm giam số 1, Công an thành phố C. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo H1:

Ông **Lưu Ngọc S** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố C. Có mặt.

Người đại diện cho bị cáo H1: Bà **Lại Thị H2** – sinh năm 1974

Cư trú: Khu vực Đ, phường T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị hại: **Phạm Thanh Đ** – sinh năm 2004. Vắng mặt

Cư trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tăng Thị Cẩm L - sinh năm 2006. Có mặt

Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Chí P – sinh năm 2009. Người đại diện cho P: Ông **Nguyễn Chí L2** (cha của P) – sinh năm 1989. Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Nguyễn Trường V1 – sinh năm 2006. Vắng mặt

Nguyễn Huy C – sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng trú: Khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

Võ Thị Nguyệt N2 – sinh năm 1999. Vắng mặt

Cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Kiên Giang.

Võ Văn N1 – sinh năm 1972. Vắng mặt

Cư trú: Khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 02/04/2025, Võ Văn N và Nguyễn Tuấn H1 (sinh ngày 24/01/2009) nhậu chung với nhau. Trong lúc nhậu N nói với H1: “*Phạm Thanh Đ thiếu tiền của N 600.000 đồng*” và rủ H1 đi tìm Đ để đòi nợ, H1 đồng ý. Liên lúc này, N đưa 01 con dao gấp màu trắng dài khoảng 20cm do N chuẩn bị từ trước cho H1 mang theo với mục đích nếu Đ chống trả thì gây thương tích cho Đ, H1 nhận cây dao và giấu vào trong áo. Sau đó, N điều khiển xe máy nhãn hiệu ELEGANT, biển số 68KA-023.04 chở H1 đi tìm Đ. Trên đường đi N nói với H1: “*khi đến nơi để N nói chuyện với Đ, có đánh thì đánh bằng tay, nếu Đ chống cự thì hả đâm Đ và nếu mà Đ không có tiền trả thì lấy điện thoại của Đ*”, H1 đồng ý. Do N biết Đ mỗi tối sẽ làm tại lò bánh mì của ông Nguyễn Huy C tại khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ nên

N điều khiển xe mô tô 68KA-023.04 chở H1 đến lò bánh mì tìm Đ. Đến nơi, N đi vào trước, H1 đi theo sau, trên tay phải H1 cầm sẵn cây dao mà N đưa. Khi đi ra tới phía sau lò bánh mì của ông C, N và H1 thấy Đ đang nằm trên võng bấm điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, lập tức N đòi tiền Đ nhưng Đ không trả nên N lao vào dùng tay đánh nhiều cái vào người của Đ, Đ dùng tay xô N; H1 cầm dao xông tới đâm 02 cái trúng vào lưng của Đ. Ngay lúc này N giật lấy điện thoại của Đ đang cầm trên tay và nói khi nào có tiền trả thì sẽ trả điện thoại lại, N tiếp tục dùng chân đá vào người của Đ. Ông Nguyễn Huy C từ dưới mé sông đi lên thấy sự việc nên truy hô. N cùng với H1 cầm dao và điện thoại ra xe rời đi. Sau đó, ông C đưa Đ đến Bệnh viện T cấp cứu.

Sau khi lấy điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ của Đ, H1 đưa lại N cây dao. Do biết sự việc N lấy điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ của Đ, Tăng Thị Cẩm L (sống chung như vợ chồng với N) nói với N trả lại điện thoại di động cho Đ. N nhờ Lê mang điện thoại đưa cho Nguyễn Chí P, N điện thoại cho P nhờ đưa cho Nguyễn Trường V1 để đem lại trả cho Đ. Nguyễn Trường V1 đã trả điện thoại cho Đ tại Bệnh viện Đ2.

Ngày 03/4/2024, ông C đến Công an phường T (nay là phường T) trình báo sự việc. Khi tiếp nhận tin báo, Công an phường phối hợp với cơ quan chức năng khám nghiệm hiện trường và tiến hành mời Võ Văn N và Nguyễn Tuấn H1 làm việc. Qua làm việc N, H1 đã thừa nhận hành vi của mình.

Quá trình xác minh tin báo, Phạm Thành Đ1 tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đỏ; Tăng Thị Cẩm L giao nộp 01 (một) cây dao gấp màu trắng dài khoảng 20cm; 01 (một) xe mô tô hiệu ELEGANT biển số 68KA-023.04; 01 quần short ngắn; 01 áo thun màu đen và Nguyễn Tuấn H1 giao nộp 01 áo thun ngắn tay màu đen bông trắng có chữ V L xen kẻ một phần áo; 01 quần short jean màu xanh, xám phía trước 02 bên mỗi ống quần có rách 02 lỗ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/BKL-HĐĐGTS ngày 09/04/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban Nhân dân quận T xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ trị giá 600.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 14/KLTTCT-TTPYCT ngày 18/7/2025 của Trung tâm pháp y thành phố C kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thanh Đ là 03% (ba phần trăm).

Kết luận giám định số 187 ngày 28/7/2025 của Phòng K Công an thành phố C kết luận: Cây dao mà N đưa cho H1 dùng để đâm Đ là dao gấp, thuộc phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đang tạm giữ các đồ vật, công cụ có liên quan theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Tuấn H1 đã bồi thường cho Phạm Thanh Đ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), Đ không yêu cầu gì thêm, xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Tuấn H1 và Võ Văn N.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, truy tố Võ Văn N và Nguyễn Tuấn H1 về tội “Cướp tài

sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

* Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đối với Võ Văn N;

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn N từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 54; 58; Điều 90; 91; 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đối với Nguyễn Tuấn H1;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H1 từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

+ Công nhận gia đình Nguyễn Tuấn H1 đã bồi thường cho bị hại Phạm Thanh Đ số tiền 20.000.000 đồng, bị hại Đ không yêu cầu gì thêm.

+ Trả lại bị hại Phạm Thanh Đ 01 điện thoại di động OPPO màu đỏ.

+ Trả lại ông Võ Văn N1 01 (một) xe mô tô hiệu ELEGANT biển số 68KA-023.04; do ông N1 không có lỗi để bị cáo lấy xe đi phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy của Võ Văn N 01 quần short ngắn; 01 áo thun màu đen; và của Nguyễn Tuấn H1 01 áo thun ngắn tay màu đen bông trắng, chữ V L xen kẻ một phần áo; 01 quần short jean màu xanh, xám phía trước 02 bên mỗi ống quần có rách 02 lỗ; do không có giá trị sử dụng.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn H1 tranh luận:

Thống nhất tội danh, khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc đối với H1, bởi: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị thì cần xem xét thêm vai trò phạm tội của H1 là thấp; nhận thức hạn chế; hoàn cảnh gia đình thiếu sự quan tâm giáo dục của cha mẹ; bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12; khoản 1 Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên, tuyên phạt bị cáo H1 03 năm tù là phù hợp.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra.

Như vậy, đủ cơ sở xác định, do Phạm Thanh Đ thiếu tiền của Võ Văn N nhưng chưa trả, nên vào ngày 02/4/2024, Võ Văn N rủ Nguyễn Tuấn H1 đi tìm Phạm Thanh Đ đòi nợ. N đưa cho H1 01 cây dao gấp màu trắng dài khoảng 20cm với mục đích nếu Đ không trả tiền thì đánh Đ để lấy điện thoại di động OPPO của Đ, nếu chống trả thì dùng dao đâm Đ, được H1 đồng ý. Khi gặp Phạm Thanh Đ do Đ không đồng ý trả nợ nên N dùng tay đánh nhiều cái vào người của Đ, H1 cầm dao đâm 02 cái trúng vào lưng của Đ, N giật lấy 01 điện thoại di động Oppo màu đỏ của Đ đang cầm trên tay, và dùng chân đá vào người của Đ, rồi cả hai bỏ đi. Hành vi mà Võ Văn N và Nguyễn Tuấn H1 thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt theo Bản kết luận định giá tài sản số 07/BKL-HĐĐGTS ngày 09/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ trị giá 600.000 đồng. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự với hành vi của mình, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, việc truy tố, xét xử bị cáo Võ Văn N và Nguyễn Tuấn H1 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; là đúng người, đúng tội.

[3] Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nghĩa là người rủ rê lôi kéo bị cáo H1, nên vai trò phạm tội của N cao hơn so với H1. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, các bị cáo là những thanh thiếu niên trẻ tuổi nhưng lại thực hiện hành vi táo bạo, hung hãn. Bản thân bị cáo N từng nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích cho người khác, nhưng vẫn không biết sửa đổi, nay vì đòi tiền người khác không được lại ngang nhiên đánh người. Qua đó cho thấy ý thức rèn luyện bản thân và chấp hành pháp luật của bị cáo Nghĩa L3 rất kém. Với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Bị cáo Nghĩa là người rủ rê bị cáo H1 đi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H1 có tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo H1 nhận thức còn hạn chế; hoàn cảnh gia đình thiếu sự quan tâm giáo dục của cha mẹ; chưa có tiền án, tiền sự. Đồng thời cũng áp dụng cho bị cáo H1 được hưởng các quy định pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự, và Điều 12, 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên để có mức án phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Như Kiểm sát viên nhận định và đề nghị trên đây là phù hợp, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

[7] Đối với cây dao mà Võ Văn N đưa cho Nguyễn Tuấn H1 dùng để gây thương tích cho Phạm Thanh Đ là loại dao gấp có tính sát thương cao quy định tại Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành tách hành vi và chuyển vụ việc (kèm theo vật chứng là cây dao gấp) có dấu hiệu tội phạm “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự đến Cơ quan An ninh điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn N và bị cáo Nguyễn Tuấn H1 phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn N 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58; Điều 90; 91; 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; và Điều 12, 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H1 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Công nhận gia đình Nguyễn Tuấn H1 đã bồi thường cho bị hại Phạm Thanh Đ số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) xong, bị hại không yêu cầu gì thêm.

+ Trả lại bị hại Phạm Thanh Đ 01 điện thoại di động OPPO màu đỏ.

+ Trả lại ông Võ Văn N 01 (một) xe mô tô hiệu ELEGANT biển số 68KA-023.04.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 quần short ngắn; 01 áo thun màu đen của Võ Văn N; 01 áo thun ngắn tay màu đen bông trắng, chữ V L xen kẻ một phần áo; 01 quần short jean màu xanh, xám phía trước 02 bên mỗi ống quần có rách 02 lỗ của Nguyễn Tuấn H1.

3. **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Bị cáo Võ Văn N, bị cáo Nguyễn Tuấn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Về kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. **Về thi hành án dân sự:**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP . Cần Thơ;
- VKSND TP . Cần Thơ;
- THADS Tp.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4-Cần Thơ;
- Bị cáo...;
- Lưu HS .

Nguyễn Văn Kiệt